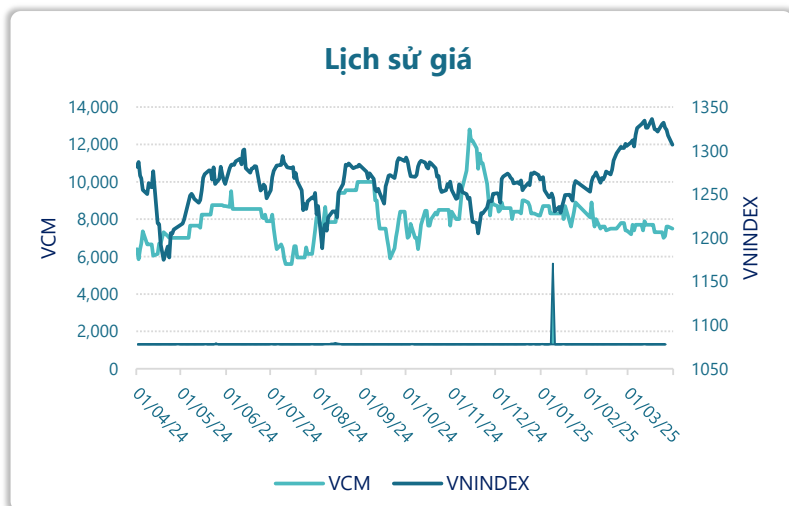


CTCP BV Life (HNX: VCM)



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,600
SL cổ phiếu LH	6,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	645
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	45
P/E	19.9
EPS	376

DT thuần

Q1/25

26.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20.8 | 397%

YoY: ▲ 14.6 | 128%

LN sau thuế

Q1/25

0.27

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.22 | 430%

YoY: ▼ 1.29 | -83.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

8.0%

+/- YoY: ▲ 3.0%

DT thuần

2024

58.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 33.8 | 136%

LN sau thuế

2024

3.56

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.70 | 314%

ROE

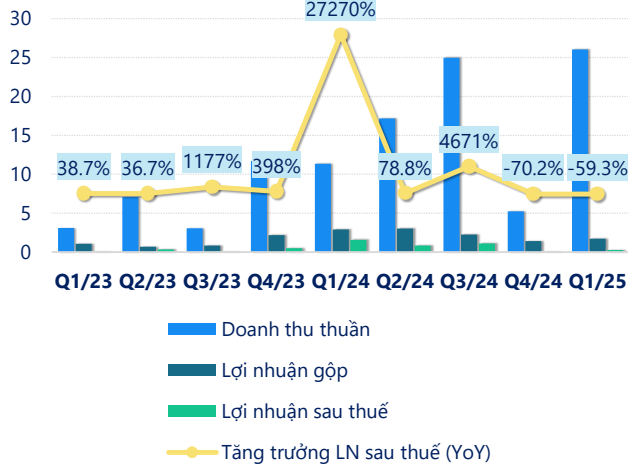
2024

5.1%

+/- YoY: ▲ 3.8%

tỷ VNĐ

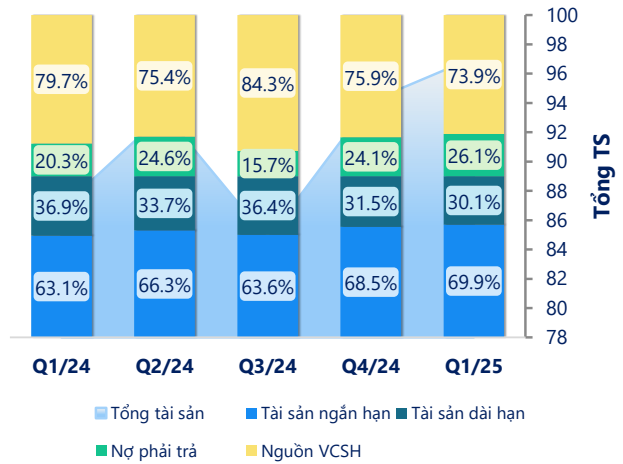
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

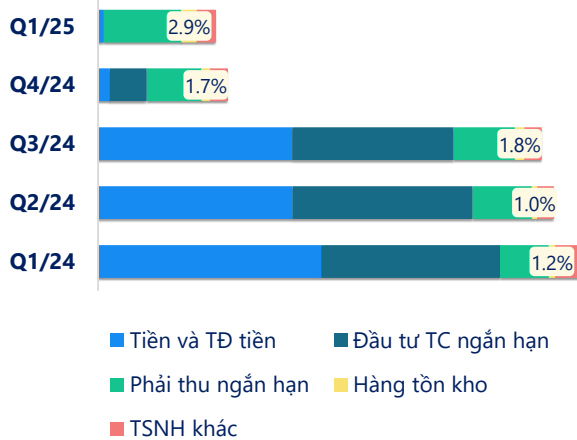
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



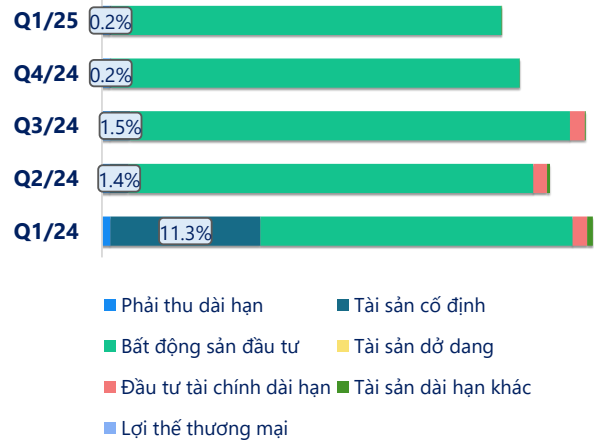
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

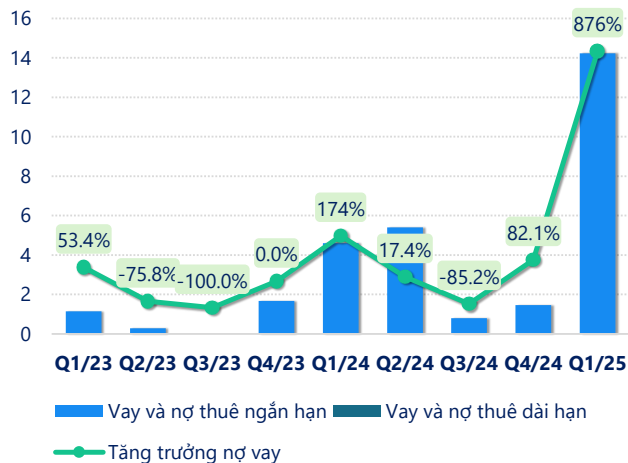
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

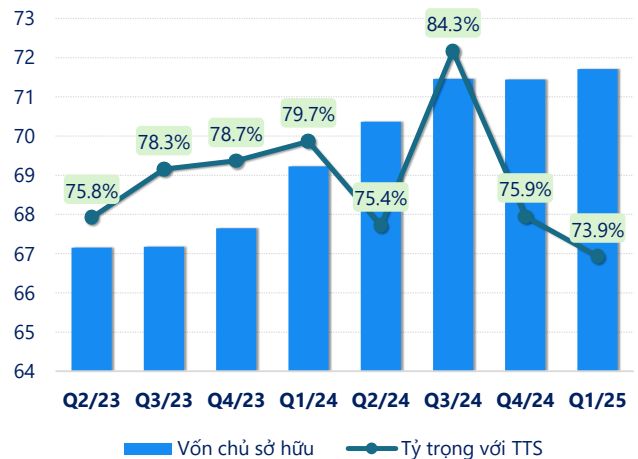
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

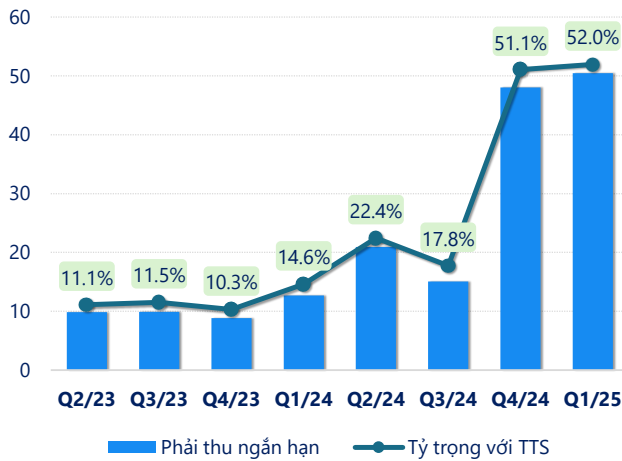
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



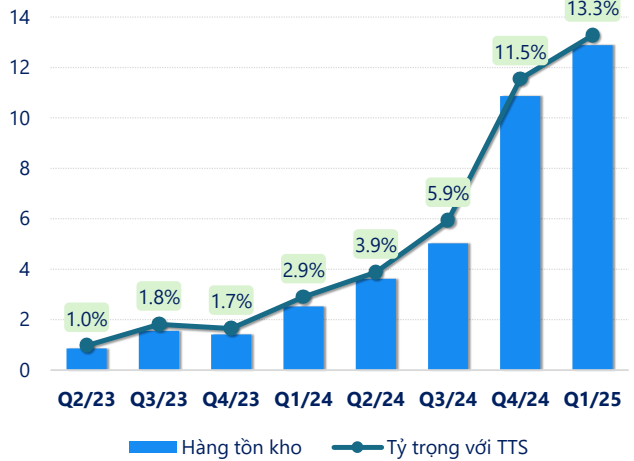
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


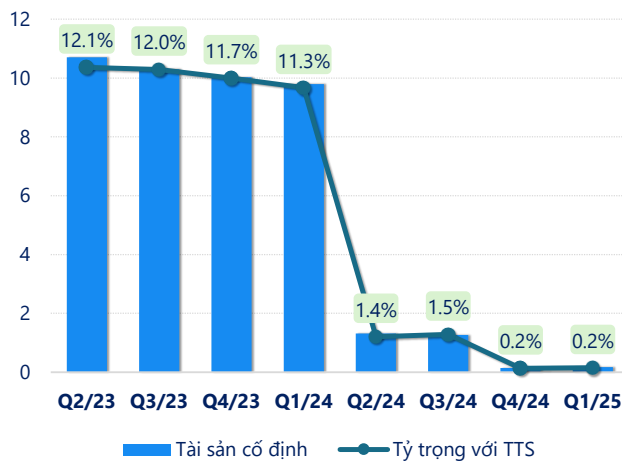
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


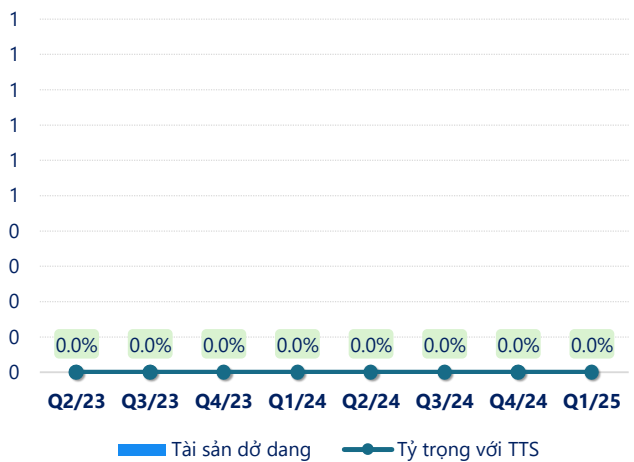
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

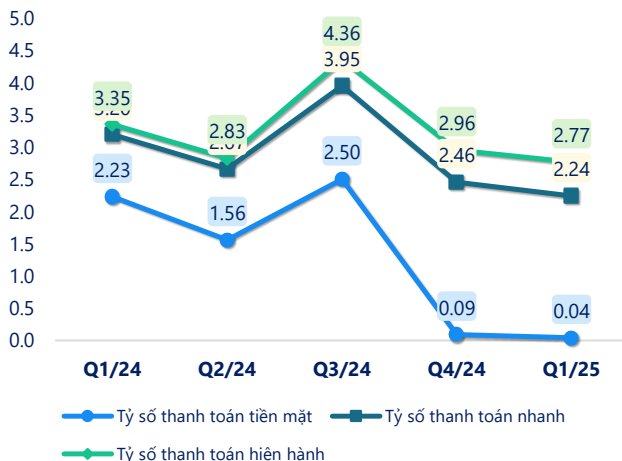
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

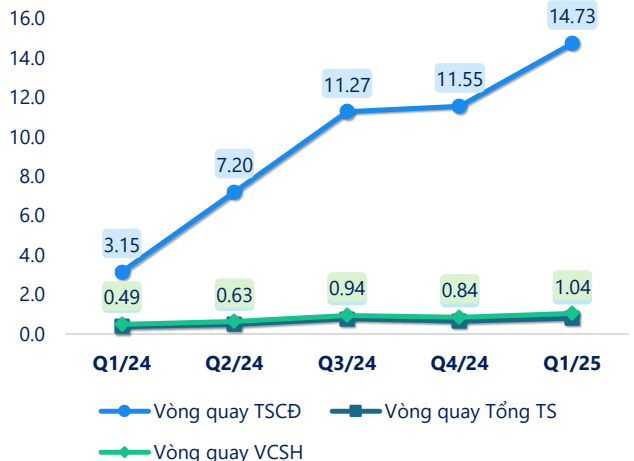
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	86.8	93.3	84.7	94.1	97.1
Tài sản ngắn hạn	54.8	61.8	53.9	64.5	67.9
Tiền và tương đương tiền	36.4	34.1	31.0	2.03	1.05
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	12.7	20.9	15.0	48.1	50.4
Hàng tồn kho	2.52	3.61	5.02	10.9	12.9
Tài sản ngắn hạn khác	3.13	3.17	2.87	3.57	3.49
Tài sản dài hạn	32.1	31.4	30.8	29.6	29.2
Phải thu dài hạn	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55
Tài sản cố định	9.79	1.32	1.27	0.15	0.17
Bất động sản đầu tư	20.4	28.4	28.0	28.9	28.5
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.95	0.95	0.95	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.39	0.21	0.07	0.04	0.03
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	17.6	22.9	13.3	22.7	25.4
Nợ ngắn hạn	16.3	21.8	12.4	21.8	24.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.60	5.40	0.80	1.46	14.2
Phải trả người bán ngắn hạn	3.05	8.72	2.26	8.58	3.80
Nợ dài hạn	1.27	1.08	0.92	0.87	0.88
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	69.2	70.4	71.5	71.4	71.7
Vốn chủ sở hữu	69.2	70.4	71.5	71.4	71.7
Vốn điều lệ	30.0	30.0	30.0	60.0	60.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)